

Chuẩn bị kiểm toán





Mục tiêu

- Phân biệt và áp dụng được các cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán
- Trình bày được các thông tin cần thu thập và quy trình tìm hiểu về đơn vị và môi trường
- Hiểu được các khái niệm trọng yếu và rủi ro kiểm toán
- Nắm được các bước cần thực hiện trong quy trình chuẩn bị kiểm toán



Nội dung

- 1 Cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán
- 2 Trọng yếu
- 3 Hiểu biết về đơn vị và môi trường
- 4 Rủi ro kiểm toán
- 5 Lập kế hoạch kiểm toán



Chương 4

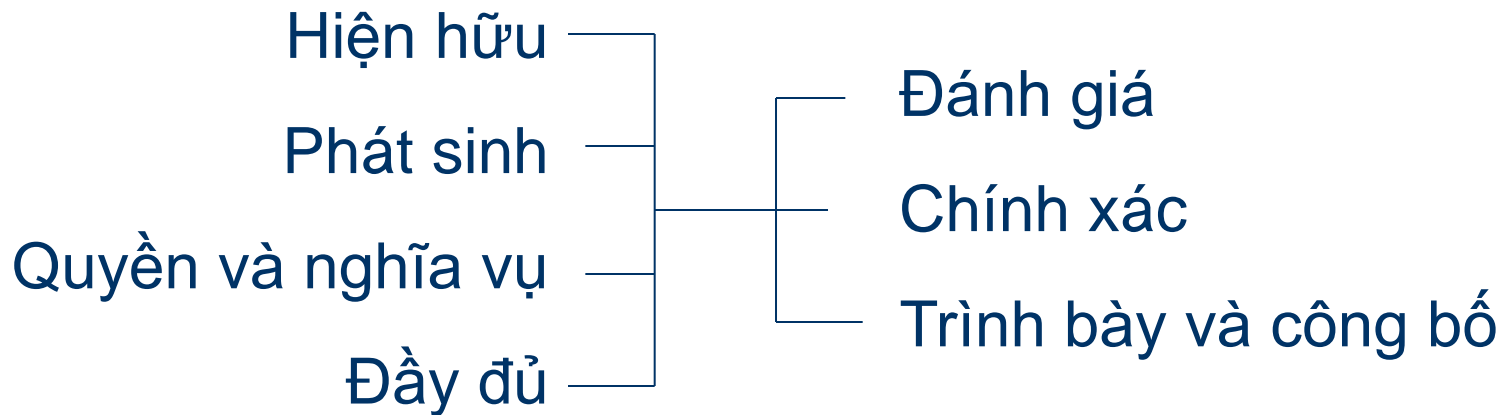
1

Cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán



Cơ sở dẫn liệu (*FS assertions*)

Khẳng định của người quản lý (có thể dưới dạng ngầm hiểu) về các khoản mục trên báo cáo tài chính





Cơ sở dẫn liệu (*FS assertions*)

- Hiện hữu: Các tài sản hay khoản phải trả tồn tại vào thời điểm được xem xét.
- Quyền và nghĩa vụ: Các tài sản hay khoản phải trả thuộc về đơn vị vào thời điểm được xem xét.
- Phát sinh: Các nghiệp vụ hay sự kiện đã xảy ra và thuộc về đơn vị trong thời kỳ được xem xét.
- Đầy đủ: Toàn bộ tài sản, nợ phải trả và nghiệp vụ đã xảy ra liên quan đến báo cáo tài chính phải được ghi chép.



Cơ sở dẫn liệu (*FS assertions*)

- Đánh giá: Các tài sản hay khoản phải trả được ghi chép theo giá trị thích hợp.
- Chính xác: Các nghiệp vụ hay sự kiện được ghi chép đúng số tiền, doanh thu và chi phí được được phân bổ đúng kỳ, đúng khoản mục và đúng về toán học.
- Trình bày và công bố: Các khoản mục được công bố, phân loại và diễn giải phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành.



Mục tiêu kiểm toán tổng quát

Các khía cạnh kiểm toán viên cần quan tâm khi thiết kế chương trình kiểm toán một khoản mục để thu thập bằng chứng đầy đủ về sự trình bày hợp lý của khoản mục

Các mục tiêu kiểm toán

1. Hiện hữu và phát sinh
2. Quyền và nghĩa vụ
3. Đầy đủ
4. Ghi chép chính xác
5. Đánh giá
6. Trình bày và công bố



Hiện hữu

Kiểm toán viên phải chứng minh rằng các **TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ** mà đơn vị khai báo trên báo cáo tài chính thì hiện hữu trong thực tế



- Kiểm kê tài sản hữu hình
- Xác nhận tài sản do người khác quản lý, sử dụng
- Kiểm tra giá gốc và lợi ích tương lai của tài sản vô hình
- Xác nhận nợ phải trả
- Kiểm tra chứng từ nợ phải trả

Phát hiện các tài sản hoặc khoản phải trả không có thực



Phát sinh

Kiểm toán viên phải chứng minh rằng các NGHIỆP VỤ mà đơn vị khai báo trên báo cáo tài chính thì phát sinh trong thực tế và thuộc về đơn vị



- Kiểm tra chứng từ gốc của các nghiệp vụ phát sinh
- Kiểm tra gián tiếp thông qua kiểm tra sự hiện hữu của tài sản và nợ phải trả

Phát hiện các nghiệp vụ không có thực hoặc thuộc về đơn vị



Quyền và nghĩa vụ

Kiểm toán viên phải chứng minh rằng các TÀI SẢN thì thuộc quyền kiểm soát của đơn vị và các KHOẢN PHẢI TRẢ là nghĩa vụ của đơn vị



- Kiểm tra chứng từ về quyền sở hữu/ kiểm soát của đơn vị đối với tài sản
- Kiểm tra về nghĩa vụ của đơn vị đối với các khoản phải trả

Phát hiện các tài sản hoặc khoản phải trả không thuộc về đơn vị



Đầy đủ

Kiểm toán viên phải chứng minh rằng đơn vị đã khai báo trên báo cáo tài chính tất cả TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGHIỆP VỤ



- Tìm hiểu kiểm soát nội bộ
- Kết hợp kiểm tra sự hiện hữu và phát sinh
- Kiểm tra tài khoản liên quan
- Kiểm tra việc khóa sổ
- Thủ tục phân tích

Phát hiện các tài sản, nợ phải trả hoặc nghiệp vụ chưa khai báo



Ghi chép chính xác

Kiểm toán viên phải chứng minh rằng đơn vị đã tính toán, cộng dồn chính xác và số liệu trên báo cáo khớp đúng với Sổ cái và sổ chi tiết



- Yêu cầu đơn vị cung cấp số dư hoặc phát sinh chi tiết
- Đối chiếu với sổ chi tiết
- Kiểm tra tổng cộng và đối chiếu tổng cộng với sổ cái

Phát hiện sự không thống nhất giữa tổng hợp và chi tiết



Đánh giá

Kiểm toán viên phải chứng minh rằng đơn vị đã đánh giá TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGHIỆP VỤ phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán hiện hành



- Xem xét phương pháp đánh giá mà đơn vị sử dụng có phù hợp chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành không
- Xem xét phương pháp đánh giá có được áp dụng nhất quán không

Phát hiện việc áp dụng các phương pháp đánh giá không phù hợp hoặc không nhất quán



Trình bày và công bố

Kiểm toán viên phải chứng minh rằng báo cáo tài chính được trình bày và công bố phù hợp với yêu cầu của chế độ, chuẩn mực kế toán hiện hành



- Xem xét vấn đề trình bày báo cáo tài chính:
 - Phân loại khoản mục
 - Việc cân trừ số liệu
- Xem xét các yêu cầu về công bố thông tin bổ sung trên báo cáo tài chính

Phát hiện việc trình bày không phù hợp hoặc các công bố sai, thiếu



Bài tập nhỏ

Hãy xác định cơ sở dẫn liệu liên quan

1. Hệ thống tự động tính số dư cuối kì của các khoản phải thu khách hàng bằng cách lấy số dư nợ trừ số dư có
2. Kế toán hạch toán chi phí sửa chữa duy tu máy móc làm tăng nguyên giá
3. Hàng lưu kho quá 1 năm được lập dự phòng 50% giá trị
4. Kiểm toán viên kiểm tra chứng từ nhập khẩu hệ thống máy ép mật đường.



Chương 4

2

Trọng yếu



Trọng yếu

- **Khái niệm**
- **Vận dụng trong kiểm toán**
 - **Lập kế hoạch kiểm toán**
 - **Thực hiện kiểm toán**



Trọng yếu

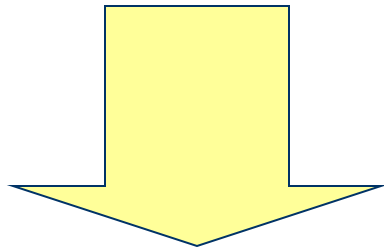
Khái niệm

- Trọng yếu là thuật ngữ dùng để thể hiện tầm quan trọng của một thông tin (một số liệu kế toán) trong báo cáo tài chính.
- Thông tin được coi là trọng yếu nếu thiếu thông tin đó hoặc thiếu tính chính xác của thông tin đó, *khi xét riêng lẻ hoặc tổng hợp lại, sẽ ảnh hưởng đến các quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính*



Trọng yếu

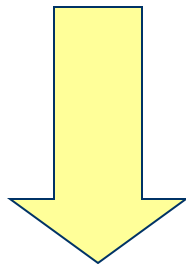
Trong kế toán



Các dữ liệu thuộc về đơn vị, có thể đưa lên báo cáo tài chính



Trọng yếu



Các dữ liệu thực tế được đưa lên báo cáo tài chính



Trọng yếu

Trong kiểm toán

- Kiểm toán viên bảo đảm hợp lý rằng báo cáo tài chính không có những sai lệch trọng yếu.
- Trọng yếu được xác định trên hai cơ sở quy mô và bản chất
 - Về mặt định lượng, trọng yếu được sử dụng như số tiền sai lệch tối đa có thể chấp nhận được của báo cáo tài chính
 - Về mặt định tính, mức trọng yếu được sử dụng như một ngưỡng để đánh giá ảnh hưởng của các sai sót, gian lận đến người đọc.

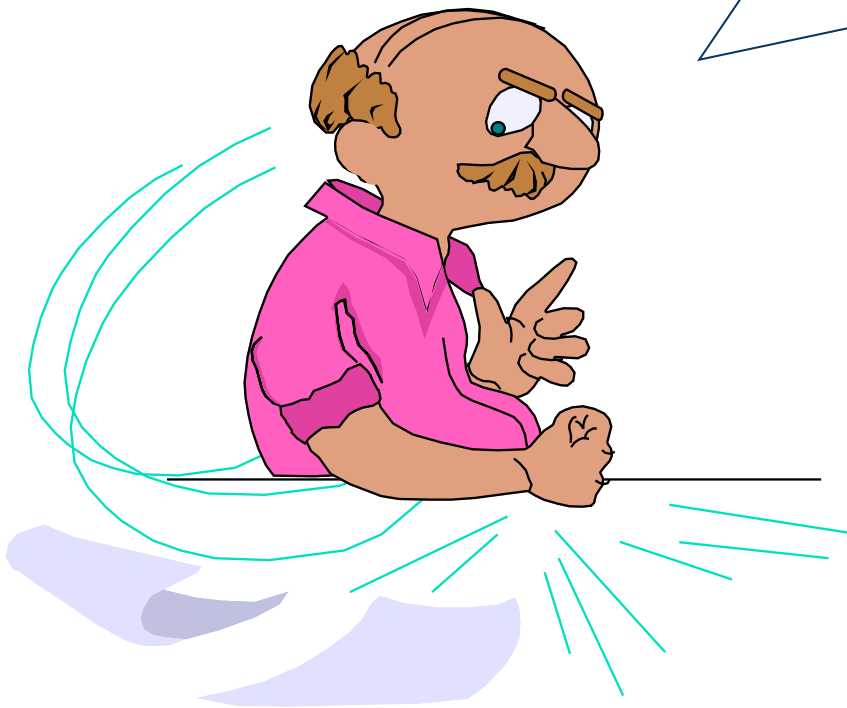


Trọng yếu

Trọng yếu là một **vấn đề xét đoán** dựa trên việc xem xét các nhu cầu chung về thông tin tài chính của người sử dụng.



Các dữ liệu thực tế phải
được đưa lên báo cáo tài
chính



**TỔNG TÀI SẢN:
10 TỶ ĐỒNG**

Người sử dụng BCTC

Không khai báo về
phương pháp khấu
hao thì báo cáo tài
chính làm sao so
sánh được?

**KHẤU HAO ĐƯỜNG
THẲNG HAY GIẢM DẦN ?**

20% HAY 5% ?





Trọng yếu

Vận dụng mức trọng yếu trong kiểm toán

- Xác định mức trọng yếu tổng thể
- Xác định mức trọng yếu thực hiện
- Xác định mức trọng yếu riêng



Trọng yếu





Trọng yếu

Xác định mức trọng yếu riêng

- Áp dụng cho một (hoặc một số) nhóm các giao dịch, số dư tài khoản hoặc thông tin thuyết minh
- Nếu có sai sót với mức thấp hơn mức trọng yếu tổng thể nhưng có thể ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính.

So sánh mức trọng yếu riêng và mức trọng yếu tổng thể?



Trọng yếu

Ví dụ

Chính sách của công ty kiểm toán

Mức trọng yếu tổng thể (M1) = 5% Lợi nhuận trước thuế

Mức trọng yếu khoản mục (M2) = 50% M1

Vận dụng vào công ty ABC

Lợi nhuận trước thuế: 28.000

$M1 = 28.000 \times 5\% = 1.400$

$M2 = 50\% M1 = 700$

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản

Tiền 500

Nợ phải thu 20.000

Hàng tồn kho 19.500

Tài sản cố định 40.000

Cộng 80.000

Phải trả người bán 24.400

Phải trả người LĐ 600

Vốn đầu tư CSH 50.000

LN chưa pp 5.000

Cộng 80.000

NỢ PHẢI THU

31.12.200X

Cty A 3.000

Cty B 2.200

Cty C 1.800

Cty D 1.000

Cty E 600

95 Cty khác 11.400
dưới 500

Cộng 20.000



Trọng yếu

Quyết định của kiểm toán viên

- **Đối với nợ phải thu, cần chú ý các thử nghiệm chi tiết số dư, gửi thư xác nhận sau ngày khóa sổ (Giả sử rủi ro xác định là trung bình)**
- **Xác nhận các khách hàng A,B,C,D**

Các khách hàng còn lại chọn mẫu để xác nhận:

$[(20.000 - 8.000) : 700] \times 1,5 = 26$ khách hàng

(Giả sử hệ số rủi ro là 1,5)



Trọng yếu

Vận dụng mức trọng yếu trong đánh giá kết quả

- Có chấp nhận một khoản mục là hợp lý không?
 - Định lượng
 - Định tính
- Có chấp nhận toàn bộ báo cáo tài chính không?
 - Định lượng
 - Định tính



Trọng yếu

Thí dụ (tiếp theo)

KẾT QUẢ XÁC NHẬN NỢ PHẢI THU

Khách hàng A,C,D đúng. Khách hàng B sai 600, đơn vị đã đồng ý điều chỉnh. Trong 26 khách hàng kiểm tra mẫu có 2 khách hàng khai cao hơn sổ sách, số tiền là: 111, không có dấu hiệu gian lận, đơn vị đã đồng ý điều chỉnh sai sót 111.

Sai lệch ước tính của tổng thể là: $[(111 : 26) \times 96] - 111 = 300$ (nhỏ hơn mức trọng yếu)

Kết luận: Nợ phải thu của khách hàng hiện hữu trong thực tế.

KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢNG TỔNG HỢP SAI LỆCH CHƯA PHÁT HIỆN (A)

<u>Sai lệch</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u>
<i>Phát hiện</i>	
Dự phòng nợ phải thu dưới mức	90
Vốn hóa tài sản cố định	<u>240</u>
	330
<i>Dự kiến</i>	
Tính giá hàng tồn kho	240
Xác nhận nợ phải thu	<u>300</u>
	540
TỔNG HỢP	870

KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢNG TỔNG HỢP SAI LỆCH CHƯA PHÁT HIỆN (B)

<u>Sai lệch</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u>
<i>Phát hiện</i>	
Dự phòng nợ phải thu dưới mức	90
Vốn hóa tài sản cố định	<u>900</u>
	990
<i>Dự kiến</i>	
Tính giá hàng tồn kho	240
Xác nhận nợ phải thu	<u>300</u>
	540
TỔNG HỢP	1530

KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢNG TỔNG HỢP SAI LỆCH CHƯA PHÁT HIỆN (C)

<u>Sai lệch</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u>
<i>Phát hiện</i>	
Dự phòng nợ phải thu dưới mức	50
Vốn hóa tài sản cố định	<u>750</u>
	800
<i>Dự kiến</i>	
Tính giá hàng tồn kho	140
Xác nhận nợ phải thu	<u>300</u>
	440
TỔNG HỢP	1240

KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢNG TỔNG HỢP SAI LỆCH CHƯA PHÁT HIỆN (D)

<u>Sai lệch</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u>
<i>Phát hiện</i>	
Dự phòng nợ phải thu dưới mức	250
Vốn hóa tài sản cố định	<u>550</u>
	800
<i>Dự kiến</i>	
Tính giá hàng tồn kho	250
Xác nhận nợ phải thu	<u>300</u>
	550
TỔNG HỢP	1350



Trọng yếu

Những vấn đề trong vận dụng khái niệm trọng yếu trong kiểm toán

- Cơ sở tính
- Tỷ số dùng để tính
- Phương pháp phân bổ



Trọng yếu

Trọng yếu là một **vấn đề xét đoán** dựa trên việc xem xét các nhu cầu chung về thông tin tài chính của người sử dụng.

- Chuẩn mực và khoảng trống dành cho kiểm toán viên
- Quyết định và tự chịu trách nhiệm
- Chi phí và sự an toàn





Chương 4

3

Hiểu biết về đơn vị và môi trường



Hiểu biết về đơn vị và môi trường





Hiểu biết về đơn vị và môi trường

Ngành nghề, pháp lý và các yếu tố bên ngoài

Ngành nghề

- Môi trường cạnh tranh
- Đặc điểm ngành nghề
- Mối quan hệ với NCC, KH
- Công nghệ

Pháp lý

- Chế độ kế toán và các thông lệ của ngành
- Hệ thống pháp luật và quy định
- Thuế, môi trường
- Chính sách nhà nước

Các yếu tố bên ngoài

- Tình hình chung của kinh tế
- Lãi suất, lạm phát, biến động tỉ giá



Hiểu biết về đơn vị và môi trường

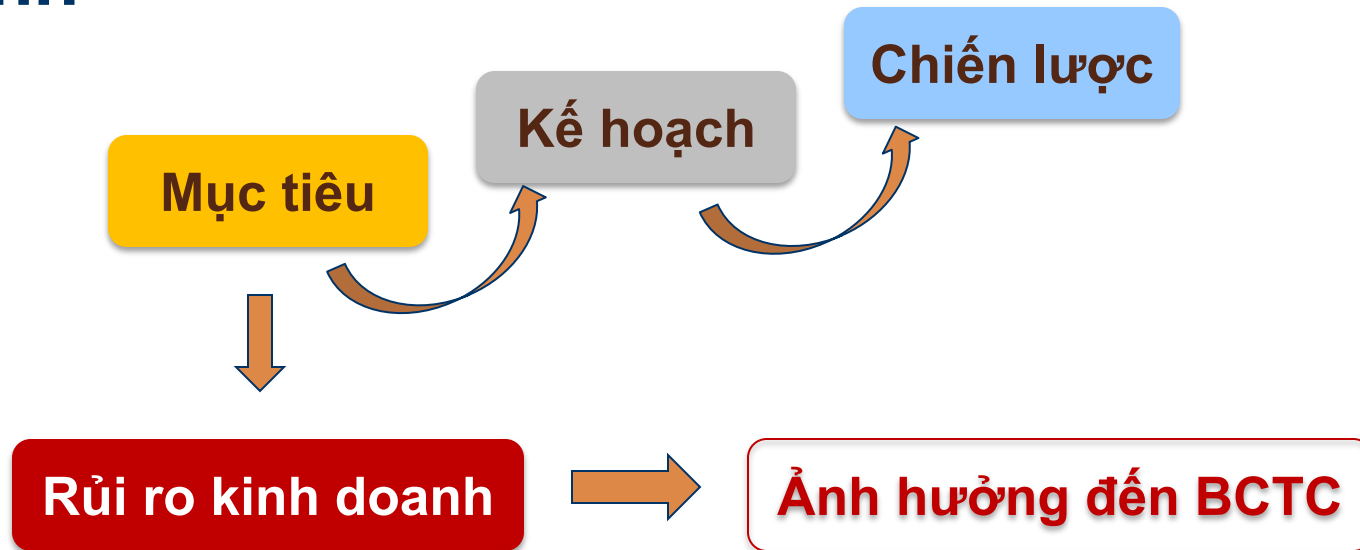
Đặc điểm của đơn vị

- Hoạt động kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ...
- Tổ chức hoạt động và quy trình sản xuất
- Nhà cung cấp, khách hàng
- Cơ cấu tổ chức
- Mối quan hệ với nhà đầu tư và các bên hữu quan
- Các vấn đề liên quan đến việc lập và trình bày BCTC:
 - Các nguyên tắc kế toán và các thông lệ riêng của từng ngành
 - Cách thức ghi nhận doanh thu
 - Kế toán các giao dịch bất thường hoặc phức tạp



Hiểu biết về đơn vị và môi trường

Mục tiêu, chiến lược và những rủi ro kinh doanh



Là khả năng những điều kiện, sự kiện, hoàn cảnh hay hành động có thể ảnh hưởng theo chiều hướng không mong muốn đến khả năng đạt được mục tiêu và thực hiện chiến lược của đơn vị.



Hiểu biết về đơn vị và môi trường

Những vấn đề cần quan tâm khi tìm hiểu RR kinh doanh

- Sự phát triển ngành nghề
- Sản phẩm hoặc dịch vụ mới
- Mở rộng phạm vi kinh doanh
- Những yêu cầu mới về kế toán
- Những quy định pháp lý
- Những yêu cầu về tài chính
- Sử dụng công nghệ thông tin
- Ảnh hưởng của việc thực hiện một chiến lược





Hiểu biết về đơn vị và môi trường

Các chính sách kế toán

- Các phương pháp mà hạch toán các giao dịch quan trọng và các giao dịch bất thường;
- Những thay đổi trong chính sách kế toán của đơn vị;
- Các chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính, pháp luật và các quy định mới
- Ảnh hưởng của các chính sách kế toán quan trọng đối với các vấn đề gây tranh cãi và các lĩnh vực mới



Hiểu biết về đơn vị và môi trường

Việc đo lường và đánh giá kết quả hoạt động của đơn vị

Đo lường

- Đánh giá kết quả hoạt động
- Đánh giá năng lực nhân viên
- Phân tích biến động; dự báo

Áp lực

- Cải thiện kết quả
- Gian lận trên BCTC

Cải tiến

- Xác định nguyên nhân
- Biện pháp khắc phục



Hiểu biết về đơn vị và môi trường

Kiểm soát nội bộ

Câu hỏi thảo luận

1. Kiểm toán viên cần tìm hiểu gì về KSNB?
2. Cho ví dụ về các tình huống phù hợp với kiểm soát thủ công và kiểm soát tự động.
3. Giữa kiểm soát thủ công và kiểm soát tự động, loại nào đáng tin cậy hơn? Tại sao?
4. Kiểm toán viên có cần thiết phải tìm hiểu tất cả kiểm soát nội bộ của đơn vị không?



Hiểu biết về đơn vị và môi trường

Phương pháp tìm hiểu :

1. Thu thập và nghiên cứu tài liệu
2. Phỏng vấn
3. Quan sát
4. Phân tích



Bài tập về nhà

Hãy sử dụng báo cáo thường niên của công ty Vinamilk năm 2012 để tìm hiểu về:

- Ngành nghề, pháp lý và các yếu tố bên ngoài
- Đặc điểm của đơn vị
- Mục tiêu, chiến lược và những rủi ro kinh doanh
- Các chính sách kế toán



Chương 4

4

Rủ ro kiểm toán



Rủ ro kiểm toán

- ❖ Là khả năng kiểm toán viên đưa ra nhận xét không thích hợp về báo cáo tài chính trong khi báo cáo tài chính có sai lệch trọng yếu.
 - Khi nào KTV gặp RRKT?
 - Rủi ro và xác suất
 - Rủi ro và trọng yếu





Rủi ro kiểm toán

- Hai mức độ rủi ro
 - RRKT ở mức độ tổng thể BCTC
 - RRKT ở mức độ cơ sở dẫn liệu
- Ba yếu tố của RRKT
 - Rủi ro tiềm tàng
 - Rủi ro kiểm soát
 - Rủi ro phát hiện



Rủ ro tiềm tàng

Khả năng có sai lệch trọng yếu trong các sổ dự hoặc nghiệp vụ mà chưa xét đến các quy chế kiểm soát nội bộ liên quan

Mức độ báo cáo tài chính

- Sự trung thực của nhà quản lý
- Kinh nghiệm và năng lực của người quản lý
- Sức ép bất thường
- Tính chất ngành nghề
- Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến ngành nghề

Mức độ cơ sở dẫn liệu

- Tính nhạy cảm của khoản mục
- Sự phức tạp nghiệp vụ
- Sự đòi hỏi xét đoán
- Giao dịch bất thường



Rủ ro kiểm soát

Khả năng có sai lệch trọng yếu trong số dư hoặc nghiệp vụ mà hệ thống kiểm soát nội bộ không phát hiện và ngăn chặn được

- Môi trường kiểm soát yếu kém
- Thiếu thủ tục kiểm soát
- Thủ tục kiểm soát không hữu hiệu



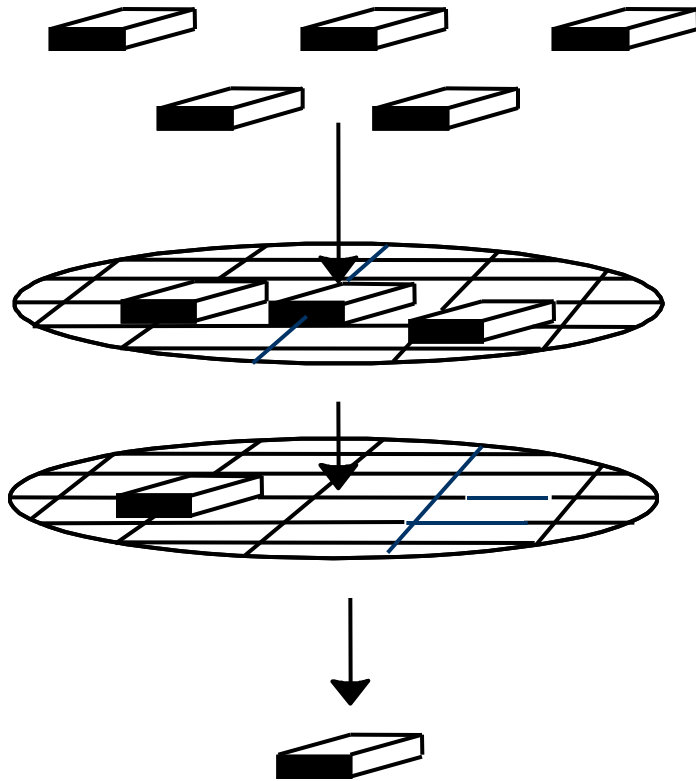
Rủ ro phát hiện

Khả năng có các sai lệch trọng yếu trong số dư hoặc nghiệp vụ mà các thử nghiệm cơ bản của kiểm toán viên không phát hiện được

- Thời gian thử nghiệm cơ bản
- Nội dung thử nghiệm cơ bản
- Phạm vi thử nghiệm cơ bản



Rủ ro kiểm toán



Rủ ro tiềm tàng

Rủ ro kiểm soát

Rủ ro phát hiện

Rủ ro
có sai
sót
trọng
yếu

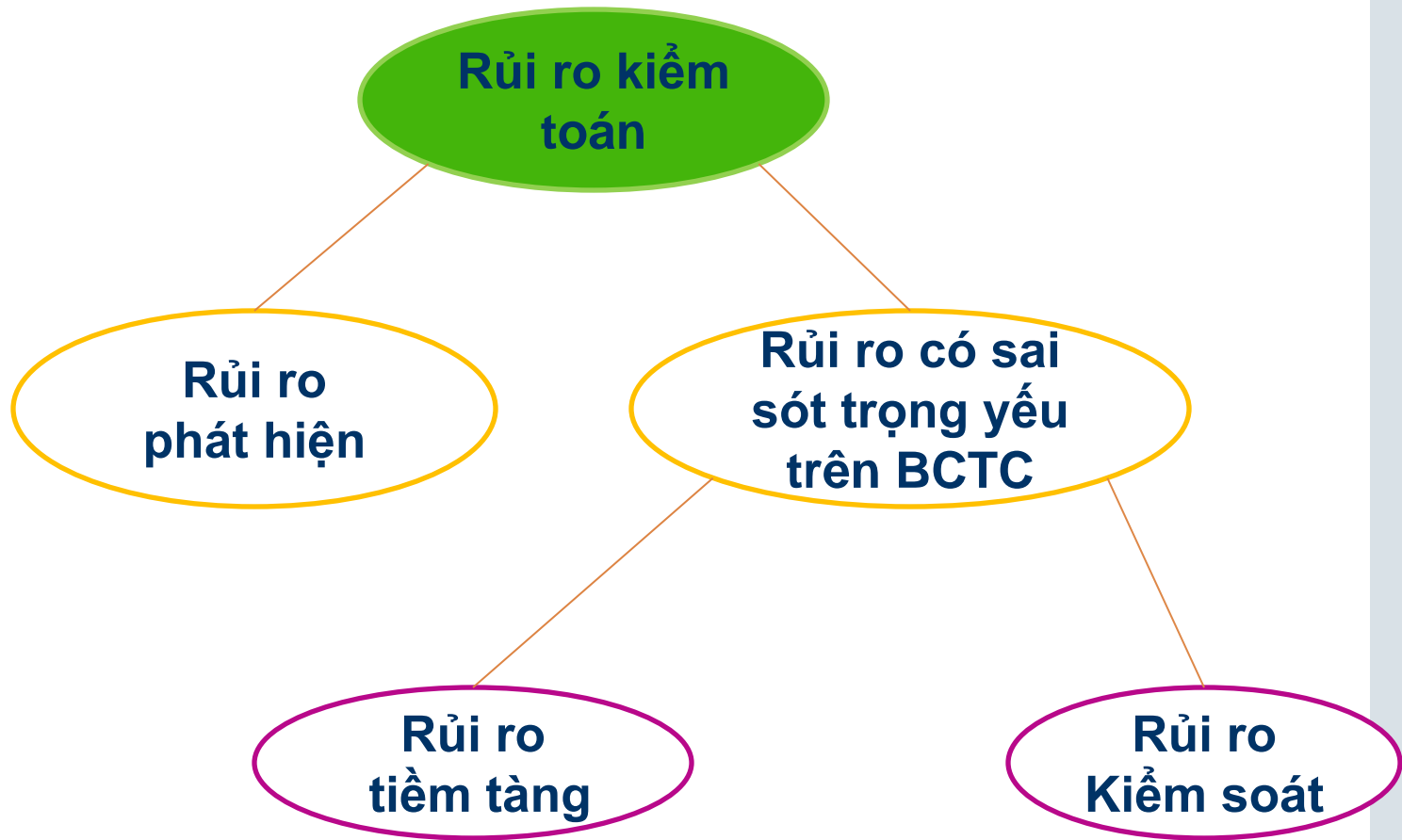


Bài tập nhỏ

1. Kế toán kho kiêm nhiệm thủ kho
2. KTV chính không giám sát KTV phụ
3. Cỡ mẫu nhỏ không đại diện cho tổng thể
4. Khách hàng là công ty cổ phần niêm yết
5. Chứng từ không được đánh số trước liên tục
6. Giám đốc được trả lương theo lợi nhuận
7. Sản phẩm là đồ trang sức bằng vàng, đá quý
8. Khoản mục dự phòng nợ phải thu khó đòi
9. Không có điều lệ đạo đức nghề nghiệp



Mô hình rủi ro kiểm toán





Mô hình rủi ro kiểm toán

$$\text{Rủi ro Kiểm toán} = \text{Rủi ro Tiềm tàng} \times \text{Rủi ro Kiểm soát} \times \text{Rủi ro Phát hiện}$$

$$\text{Rủi ro Phát hiện} = \frac{\text{Rủi ro Kiểm toán}}{\text{Rủi ro Tiềm tàng} \times \text{Rủi ro Kiểm soát}}$$



Ma trận rủi ro phát hiện

		Đánh giá rủi ro kiểm soát		
		Cao	Trung bình	Thấp
Đánh giá rủi ro tiềm tàng	Cao	Thấp nhất	Thấp	Trung bình
	Trung bình	Thấp	Trung bình	Cao
	Thấp	Trung bình	Cao	Cao nhất



Bài tập nhỏ

Xác định rủi ro phát hiện. Nhận xét

RR kiểm toán	1%	1%	5%	5%	5%	10%	10%
RR tiềm tàng	20%	50%	20%	50%	50%	20%	50%
RR kiểm soát	50%	50%	50%	50%	100%	50%	50%
RR phát hiện	-	-	-	-	-	-	-



Mô hình rủi ro kinh doanh





Rủi ro đáng kể

Là rủi ro có sai sót trọng yếu đã được xác định và đánh giá mà theo xét đoán của kiểm toán viên phải đặc biệt lưu ý khi kiểm toán.

- Rủi ro do gian lận
- Rủi ro đó có liên quan tới những thay đổi gần đây của nền kinh tế, kế toán, luật pháp...
- Giao dịch phức tạp; giao dịch lớn
- Giao dịch với bên liên quan
- Mức độ chủ quan trong việc định lượng thông tin tài chính





Thủ tục đánh giá rủi ro

Xác định rủi ro

Thông qua tìm hiểu về đơn vị và môi trường, bao gồm tìm hiểu các kiểm soát phù hợp

Đánh giá rủi ro

Đánh giá ảnh hưởng lan tỏa đến tổng thể báo cáo tài chính và đến cơ sở dẫn liệu

Rủi ro và sai sót

Liên hệ những rủi ro đã xác định với các sai sót có thể xảy ra ở cấp độ cơ sở dẫn liệu

Cần nhắc xem những kiểm soát nào kiểm toán viên dự định kiểm tra

Cần nhắc khả năng xảy ra sai sót trọng yếu



Thủ tục đánh giá rủi ro

- Phỏng vấn Ban giám đốc và các cá nhân khác
- Thực hiện thủ tục phân tích
- Quan sát và điều tra
- Kinh nghiệm làm việc trong các năm trước
- Thảo luận trong nhóm kiểm toán



Thảo luận

Bạn được bổ nhiệm là kiểm toán công ty TNHH Hải Yến, và đang đánh giá rủi ro cho cuộc kiểm toán năm 20x3

1. Hãy đặt 3 câu hỏi phỏng vấn giám đốc kiểm toán nội bộ.
2. Giám đốc công ty cho rằng không cần thiết mất thời gian tìm hiểu lại công ty vì không có thay đổi gì so với năm trước. Nêu ý kiến của bạn.
3. Kiểm toán viên quan sát thấy công ty đã xây dựng thêm một phân xưởng mới. Kiểm toán viên cần làm gì tiếp theo?



Thủ tục phân tích

Mục đích

- Tìm hiểu tình hình kinh doanh
- Phát hiện những khu vực có rủi ro
- Lưu ý về tính hoạt động liên tục

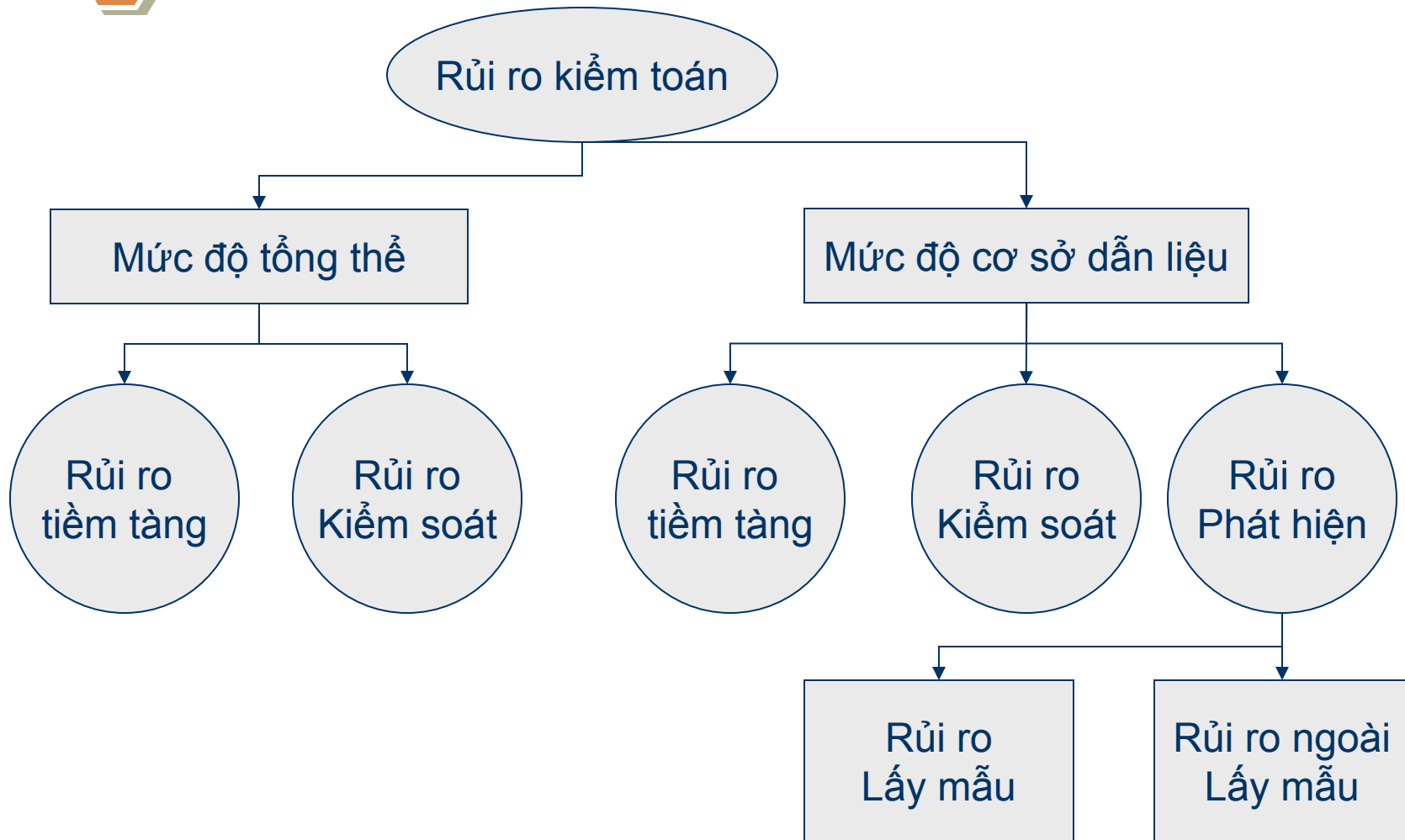
Trình tự

- Lập bảng so sánh; Tính tỷ số
- Xem xét các quan hệ bất thường
- So sánh và ghi nhận các biến động tuyệt đối lớn
- So sánh và ghi nhận các xu hướng biến động bất thường
- So sánh và ghi nhận quan hệ bất thường giữa các tỷ số





Giảm rủi ro kiểm toán





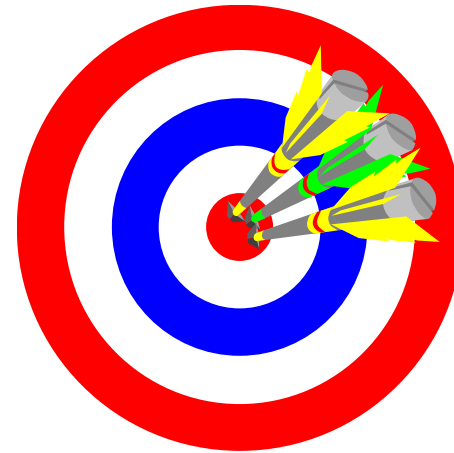
Giảm rủi ro kiểm toán

- RRKT ở mức độ tổng thể
 - Tìm hiểu khách hàng trước khi nhận lời
 - Xác định mức RRKT chấp nhận được ở khoản mục
- RRKT ở mức độ khoản mục
 - Hiểu biết khách hàng -> RRTT, RRKS
 - Xác định RR Phát hiện thích hợp từ đó xác định nội dung, thời gian và phạm vi TNCB
 - Giám sát chất lượng kiểm toán



Trọng yếu và rủi ro kiểm toán

Quan hệ giữa rủi ro kiểm toán và mức trọng yếu





Chương 4

5

Lập kế hoạch kiểm toán

- Giai đoạn tiền kế hoạch
- Giai đoạn lập kế hoạch



Giai đoạn tiền kế hoạch

- Tiếp nhận khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ.
- Đánh giá việc tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp
- Thỏa thuận sơ bộ với khách hàng
- Ký hợp đồng kiểm toán hoặc thư hẹn kiểm toán





Tiếp nhận khách hàng mới, duy trì khách hàng cũ

- **Mục đích** : Tìm hiểu và đánh giá khả năng có thể kiểm toán của khách hàng (Auditability)
- **Nội dung tìm hiểu** :
 1. Tính chính thực của người quản lý.
 2. Rủi ro chung của hợp đồng
 3. Mức độ phức tạp của công việc và khả năng đáp ứng của kiểm toán viên
 4. Tính độc lập của kiểm toán viên.
- **Phương pháp tìm hiểu** :
 1. Tìm hiểu các thông tin đã công bố, tìm hiểu qua người thứ ba.
 2. Tiếp xúc Ủy ban kiểm toán của khách hàng.
 3. Tiếp xúc kiểm toán viên tiền nhiệm.



Lập kế hoạch kiểm toán

Mục đích :

- Nâng cao tính hữu hiệu và hiệu quả của một cuộc kiểm toán
- Phục vụ cho việc kiểm soát chất lượng kiểm toán

Trình tự :

1. Chiến lược kiểm toán tổng thể
2. Kế hoạch kiểm toán



Xây dựng chiến lược kiểm toán

- Đặc điểm của cuộc kiểm toán
 - Khuôn khổ về lập và trình bày BCTC
 - Phạm vi kiểm toán
 - Đặc điểm lĩnh vực kinh doanh
 - Bằng chứng kiểm toán năm trước
 - Ảnh hưởng của công nghệ thông tin...
- Mục tiêu báo cáo, thời gian kiểm toán và nội dung trao đổi thông tin
- Phân công nguồn lực kiểm toán
- Tìm hiểu về đơn vị và môi trường của đơn vị
- Đánh giá sơ bộ rủi ro có sai sót trọng yếu trên BCTC
- Xác định mức trọng yếu

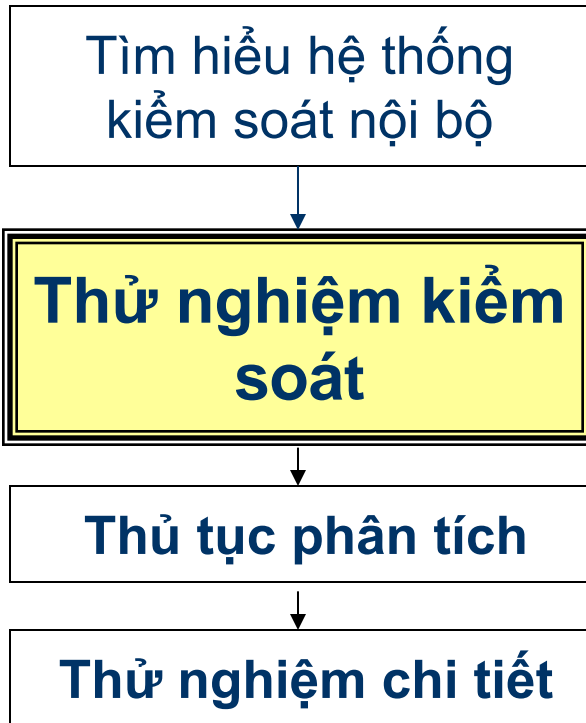


Xây dựng kế hoạch kiểm toán

- **Chi tiết chiến lược kiểm toán tổng thể**
- **Bao gồm nội dung, lịch trình, phạm vi của:**
 - Các thủ tục đánh giá rủi ro
 - Các thủ tục kiểm toán ở mức độ cơ sở dẫn liệu
 - Chỉ đạo và giám sát các thành viên trong nhóm kiểm toán



Phương thức tiếp cận



Tiếp cận hệ thống



Kiểm tra chi tiết

Các loại thử nghiệm áp dụng cho nợ phải thu

THỬ NGHIỆM
KIỂM SOÁT

Thử nghiệm nghiệp vụ
bán hàng

THỬ TỤC
PHÂN TÍCH

Tính số vòng quay nợ phải
thu hoặc số ngày thu tiền
bình quân

THỬ NGHIỆM
CHI TIẾT

- Gửi thư xác nhận nợ
- Kiểm tra khóa sổ bán hàng
- Kiểm tra lập dự phòng